

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HS-PT
Ngày 11-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 15/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Phan Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 204/2021/HS- ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Văn N, sinh năm 1997 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Việt H và bà Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: ông Tổng Công Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng nghị

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn Non là nhân viên tiệm rửa xe H tại địa chỉ: đường P, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và ông Tổng Công Đ (nhân viên của

cửa hàng xăng dầu N, địa chỉ: tổ 17, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương) là bạn bè quen biết do chỗ làm việc gần nhau.

Khoảng 11 giờ ngày 05/02/2021, Phan Văn N đi bộ từ tiệm rửa xe H đến cửa hàng xăng dầu N gặp ông Đ để mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen biển kiểm soát 66K1-300.29 để đi mua đồ ăn, ông Đ đồng ý. Sau khi mua đồ ăn xong, N quay về cửa hàng xăng dầu trả xe cho ông Đ, ông Đ nhận lại xe rồi dựng ở khu vực bên hông cửa hàng xăng dầu nhưng vẫn cắm chìa khóa trên xe. N đi lại chỗ bán xăng ngồi nói chuyện với ông Phạm Văn L (sinh năm 2004, địa chỉ: số 263, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương) là nhân viên cửa hàng bán xăng N.

Trong lúc ngồi nói chuyện với L thì N nảy sinh ý định lấy trộm xe của ông Đ để đi cầm lấy tiền nộp phạt vi phạm giao thông do đã đến ngày hẹn nhưng không có tiền nộp phạt. Thực hiện ý định trên, khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, N đi bộ đến vị trí xe mô tô của ông Đ rồi ngồi lên xe nổ máy, điều khiển xe chạy về tiệm sửa xe H để lấy đồ dùng cá nhân. Tiếp đó, N điều khiển xe đi tìm chỗ để cầm cố. Trên đường đi N mở cốp xe kiểm tra bên trong thì thấy có 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 66K1-300.29 mang tên Cao Thị L; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Tống Công Đ. Sau đó, N điều khiển xe chạy đến tiệm cầm đồ V tại khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương gặp ông Nguyễn Đình V (sinh năm 1987, địa chỉ: khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương) là người quản lý tiệm cầm đồ. N đưa cho ông V giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát số 66K1-300.29 và chứng minh nhân dân của ông Đ. Lúc này, N tự xưng mình là Tống Công Đ và nói xe là của cá nhân do mẹ ruột cho nên ông V tin tưởng, không kiểm tra lại giấy tờ và đã nhận cầm xe mô tô biển kiểm soát 66k1-300.29 với số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng. Sau khi có tiền N đi nộp phạt giao thông và lấy xe mô tô của N rồi điều khiển xe về nhà tại xã V, thị xã T, tỉnh Anh Giang sinh sống và tiêu xài hết số tiền nêu trên.

Khi phát hiện mất xe và xem lại camera an ninh của cửa hàng xăng dầu, ông Đ phát hiện N lấy trộm xe của mình. Ông Đ nhiều lần điện thoại yêu cầu N trả xe nhưng không được. Ngày 17/02/2021, ông Đ làm đơn tố cáo Phan Văn N về hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát số 66K1-300.29 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 65/KLTS-TTHS ngày 05/03/2021, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen xám, số khung 1740HY043775, số máy E3T6E280725, biển kiểm soát 66K1-300.29 trị giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen xám, số khung 1740HY043775, số máy E3T6E280725, biển kiểm soát 66K1-300.29 là của bà Cao Thị L đứng tên. Bà L là mẹ ruột ông Đ và đã cho ông Đ xe trên. Ngày 01/03/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Quyết định số 12/QĐ-CSĐT xử lý vật chứng, trả xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius

màu đen xám, số khung 1740HY043775, số máy E3T6E280725, biển kiểm soát 66K1-300.29 cho ông Tống Công Đ.

Về trách nhiệm dân sự: ông Tống Công Đ đã nhận lại tài sản; Phan Văn N đã bồi thường cho hộ kinh doanh Văn Đ số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng. Không ai yêu cầu bồi thường về phần dân sự.

Đối ông Nguyễn Đình V, quá trình điều tra xác định ông V không biết xe mô tô Yamaha Sirius màu đen xám, số khung 1740HY043775, số máy E3T6E280725, biển kiểm soát 66K1-300.29 là do Phan Văn N phạm tội mà có và N cung cấp được giấy tờ xe nên ông V đã tin tưởng, đồng ý cầm xe cho Non. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự đối với ông V. Tuy nhiên, hành vi ông V nhận cầm xe không đúng chủ sở hữu đã vi phạm điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội phòng cháy và chữa cháy, phòng, chống bạo lực gia đình. Hành vi trên xét thấy thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B nên ngày 23/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra công văn số 683/CV-CQĐT-ĐTTH gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Bình Dương đề nghị xử lý vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Đình V.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 204/2021/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: xử phạt bị cáo Phan Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, biện pháp tư pháp và quyền kháng cáo cho bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

Ngày 15/12/2021, bị cáo Phan Văn N kháng cáo toàn bộ Bản án số: 204/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa bị cáo xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm xác định, do vậy, có căn cứ xác định: khoảng 12 giờ 45 phút ngày 05/02/2021, Phan Văn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen xám, biển kiểm soát 66K1-300.29 của ông Tống Công Đ trị giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới nên không có cơ sở xem xét kháng cáo

của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức về phần hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cha bị cáo đã mất, gia đình bị cáo chỉ có hai mẹ con, mẹ bị cáo đã già, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội tiếp tục lao động nuôi mẹ bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo Phan Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm xác định, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: khoảng 12 giờ 45 phút ngày 05/02/2021, Phan Văn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen xám, biển kiểm soát 66K1-300.29 của ông Tổng Công Đ, trị giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả (tài sản đã thu hồi trả lại bị hại, bị cáo khắc phục bồi thường cho người nhận cầm cố tài sản); bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Trường hợp của Phan Văn N đủ điều kiện để cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65

của Bộ luật Hình sự về án treo. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho gia đình, xã hội; đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí phúc thẩm: bị cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Văn N, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 204/2021/HS- ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt như sau:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án phúc thẩm (ngày 11-3-2022).

Giao bị cáo Phan Văn N về Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phan Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phan Văn N không phải nộp án phí phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố T (2);
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Lưu: hồ sơ, LTH, 13.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sang